

Số: 1988 /QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Hoài Đức

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai 2013; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Quyết định số 436/QĐ-UBND ngày 23/01/2024 của UBND Thành phố về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Hoài Đức;

Căn cứ Quyết định số 1569/QĐ-UBND ngày 25/03/2024 của UBND Thành phố về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Hoài Đức;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 29/3/2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua điều chỉnh, bổ sung danh mục các công trình, dự án thu hồi đất; danh mục các dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ năm 2024 trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2711/TTr-STNMT-QHKHSDĐ ngày 11 tháng 4 năm 2024,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung danh mục các công trình, dự án thực hiện trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 và chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Hoài Đức đã được UBND Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 436/QĐ-UBND ngày 23/01/2024 và Quyết định số 1569/QĐ-UBND ngày 25/03/2024 như sau:

1. Điều chỉnh, bổ sung Danh mục các công trình, dự án trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Hoài Đức 12 dự án với tổng diện tích sử dụng đất khoảng 62,62ha.

(Phụ lục kèm theo).

2. Điều chỉnh chỉ tiêu trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Hoài Đức, cụ thể như sau:

a. Điều chỉnh phân bổ diện tích các loại đất trong năm 2024

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích KHSDĐ 2024 được duyệt	Điều chỉnh KHSDĐ 2024	Tăng (+)/giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)
	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN		8.492,02	8.492,02	
1	Đất nông nghiệp	NNP	3.706,20	3.668,11	-38,09
1.1	Đất trồng lúa	LUA	1.648,17	1.613,11	-35,06
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>1.648,17</i>	<i>1.613,11</i>	<i>-35,06</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1.117,85	1.116,15	-1,70
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	822,40	821,07	-1,33
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH			
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD			
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX			
	<i>Trong đó: đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>			
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	105,94	105,94	
1.8	Đất làm muối	LMU			
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	11,82	11,82	
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	4.769,38	4.807,47	38,09
2.1	Đất quốc phòng	CQP	110,37	110,37	
2.2	Đất an ninh	CAN	6,20	6,20	
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK			
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	145,45	145,45	
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	210,84	210,84	
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	120,66	120,66	
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS			
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	8,27	8,27	
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.803,97	1.822,73	18,76
	<i>Trong đó:</i>				
-	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>1.273,60</i>	<i>1.285,02</i>	<i>11,42</i>
-	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	<i>185,85</i>	<i>185,85</i>	
-	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</i>	<i>DVH</i>	<i>9,34</i>	<i>9,34</i>	
-	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>5,94</i>	<i>10,94</i>	<i>5,00</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	<i>DGD</i>	<i>129,58</i>	<i>131,79</i>	<i>2,21</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao</i>	<i>DTT</i>	<i>23,85</i>	<i>23,85</i>	
-	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>DNL</i>	<i>3,30</i>	<i>3,43</i>	<i>0,13</i>
-	<i>Đất công trình bưu chính viễn thông</i>	<i>DBV</i>	<i>4,97</i>	<i>4,97</i>	
-	<i>Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia</i>	<i>DKG</i>			
-	<i>Đất có di tích lịch sử - văn hóa</i>	<i>DDT</i>	<i>1,21</i>	<i>1,21</i>	
-	<i>Đất bãi thải, xử lý chất thải</i>	<i>DRA</i>	<i>5,53</i>	<i>5,53</i>	
-	<i>Đất cơ sở tôn giáo</i>	<i>TON</i>	<i>31,42</i>	<i>31,42</i>	
-	<i>Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, NHT</i>	<i>NTD</i>	<i>104,06</i>	<i>104,06</i>	
-	<i>Đất xây dựng cơ sở khoa học và công</i>	<i>DKH</i>	<i>14,37</i>	<i>14,37</i>	

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích KHSDD 2024 được duyệt	Điều chỉnh KHSDD 2024	Tăng (+)/giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)
	<i>nghệ</i>				
-	<i>Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội</i>	<i>DXH</i>	2,59	2,59	
-	<i>Đất chợ</i>	<i>DCH</i>	8,37	8,37	
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL			
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	13,73	13,73	
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	26,81	45,81	19,00
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.196,03	1.196,03	
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	884,75	885,08	0,33
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	9,77	9,77	
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	24,97	24,97	
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG			
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	25,60	25,60	
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	120,86	120,86	
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	58,86	58,86	
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	2,26	2,26	
3	Đất chưa sử dụng	CSD	16,44	16,44	
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	16,44	16,44	

b. Điều chỉnh kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích KHSDD 2024 được duyệt	Điều chỉnh KHSDD 2024	Tăng (+)/giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	481,43	519,52	38,09
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	391,34	426,40	35,06
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>	<i>391,34</i>	<i>426,40</i>	<i>35,06</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	55,15	56,85	1,7
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	33,28	34,61	1,33
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	1,66	1,66	
2	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	1,08	1,08	

c. Điều chỉnh kế hoạch thu hồi các loại đất năm 2024

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích KHSDD 2024 được duyệt	Điều chỉnh KHSDD 2024	Tăng (+)/giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)
	TỔNG DIỆN TÍCH THU HỒI		462,46	500,55	38,09
1	Đất nông nghiệp	NNP	434,23	472,32	38,09
1.1	Đất trồng lúa	LUA	349,40	384,46	35,06
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>349,40</i>	<i>384,46</i>	<i>35,06</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	53,85	55,55	1,70
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	29,32	30,65	1,33
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	1,66	1,66	
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	28,23	28,23	
2.1	Đất cụm công nghiệp	SKN	6,86	6,86	

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích KHSDĐ 2024 được duyệt	Điều chỉnh KHSDĐ 2024	Tăng (+)/giảm (-)
2.2	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	1,01	1,01	
2.3	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	15,94	15,94	
-	Đất giao thông	DGT	1,17	1,17	
-	Đất thủy lợi	DTL	11,63	11,63	
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	0,12	0,12	
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	3,02	3,02	
2.4	Đất ở tại nông thôn	ONT	2,66	2,66	
2.5	Đất ở tại đô thị	ODT	0,85	0,85	
2.6	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,05	0,05	
2.7	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	0,86	0,86	

3. Điều chỉnh điểm e Khoản 1 Điều 1 Quyết định số 436/QĐ-UBND ngày 23/01/2024 và điều chỉnh Khoản 3 Điều 1 Quyết định số 1569/QĐ-UBND ngày 25/3/2024 của UBND Thành phố thành: “Danh mục các công trình, dự án trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Hoài Đức, bao gồm 174 dự án với tổng diện tích khoảng 1.112,06ha”.

4. Các nội dung khác ghi tại Quyết định số 436/QĐ-UBND ngày 23/01/2024 và Quyết định số 1569/QĐ-UBND ngày 25/03/2024 của UBND Thành phố vẫn giữ nguyên hiệu lực.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các Sở, ban, ngành của Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hoài Đức và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

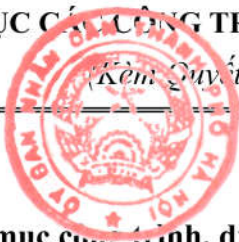
- Như Điều 2;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- TT Thành ủy;
- TT HĐND TP;
- UB MTTQ TP;
- Chủ tịch, các PCT UBND TP;
- VPUB: PCVP Cù Ngọc Trang, P.TNMT;
- Lưu VT, TNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Trọng Đông

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024 HUYỆN HOÀI ĐỨC



Kèm Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố

STT	Danh mục công trình, dự án	Mục đích SDD (Mã loại đất)	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích (ha)	Trong đó diện tích (ha)		Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Đất trồng lúa	Thu hồi đất	Quận, huyện, thị xã	Địa danh xã, thị trấn		
I	Danh mục các dự án điều chỉnh được Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua tại Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 29/3/2024			14,06		14,06				
1	Xây dựng thay thế Trường Mầm non Vân Côn B	DGD	Ban QLDA	1,48		1,48	Hoài Đức	Vân Côn	Quyết định số 12477/QĐ-UBND ngày 09/10/2023 của UBND huyện Hoài Đức về phê duyệt dự án. Thời gian thực hiện dự án từ 2023 - 2026	Điều chỉnh diện tích tăng 0,48 ha
2	Xây dựng trường THCS Di Trạch	DGD	Ban QLDA	2,61		2,61	Hoài Đức	Di Trạch	Quyết định số 12495/QĐ-UBND ngày 10/10/2023 của UBND huyện Hoài Đức về phê duyệt dự án. Thời gian thực hiện dự án từ 2022 - 2025	Điều chỉnh diện tích tăng 0,71 ha
3	Dự án thành phần số 13: Hoàn thiện tuyến đê tả Đáy đoạn từ K10+200 đến K14+700	DGT	Ban quản lý và duy tu các công trình NNNT	9,97		9,97	Hoài Đức	Song Phương, Vân Côn, An Thượng, Tiền Yên	Quyết định số 3729/QĐ-UBND ngày 04/10/2022 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc phê duyệt dự án thành phần số 13; Bản định vị tọa độ mốc ngày 15/11/2023	Điều chỉnh diện tích tăng 0,46 ha và bổ sung địa danh xã Tiền Yên

STT	Danh mục công trình, dự án	Mục đích SDD (Mã loại đất)	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích (ha)	Trong đó diện tích (ha)		Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Đất trồng lúa	Thu hồi đất	Quận, huyện, thị xã	Địa danh xã, thị trấn		
II	Danh mục các dự án đăng ký bổ sung mới thực hiện trong năm 2024									
II.1	Các dự án thu hồi đất được Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua bổ sung tại Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 29/3/2024			48,56		31,05				
1	Xây dựng tuyến đường ĐH03 huyện Hoài Đức	DGT	Ban QLDA	6,76		1,80	Hoài Đức	An Thượng, Đông La, An Khánh	Quyết định số 5055/QĐ - UBND ngày 15/10/2019 của UBND huyện Hoài Đức về phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán; Văn bản số 2870/UBND-BQL ngày 29/12/2023 của UBND huyện Hoài Đức về việc gia hạn thời gian thi công công trình. Thời gian thực hiện đến hết tháng 3/2024	
2	Xây dựng trường tiểu học La Phù 2	DGD	Ban QLDA	1,02		1,02	Hoài Đức	La Phù	Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 23/7/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Hoài Đức về việc phê duyệt chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án ĐTXD trên địa bàn huyện Hoài Đức; Văn bản số 2833/UBND-TMB-PAKT ngày 02/12/2022 của	

STT	Danh mục công trình, dự án	Mục đích SDD (Mã loại đất)	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích (ha)	Trong đó diện tích (ha)		Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Đất trồng lúa	Thu hồi đất	Quận, huyện, thị xã	Địa danh xã, thị trấn		
									UBND huyện vv chấp thuận bản vẽ tổng mặt bằng và phương án kiến trúc tỷ lệ 1/500. Thời gian thực hiện dự án 2022-2025	
3	Xây mới bệnh viện đa khoa huyện Hoài Đức	DYT	Ban QLDA	5,00		5,00	Hoài Đức	Đức Giang	Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư, phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng vốn đầu tư công của thành phố Hà Nội; Thời gian thực hiện dự án 2024-2026	
4	Xây dựng công viên trung tâm huyện Hoài Đức	DKV	Ban QLDA	19,00		19,00	Hoài Đức	Đức Giang	Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 20/12/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Hoài Đức về việc phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công của huyện Hoài Đức. Thời gian thực hiện dự án 2024 - 2027	

STT	Danh mục công trình, dự án	Mục đích SDD (Mã loại đất)	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích (ha)	Trong đó diện tích (ha)		Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Đất trồng lúa	Thu hồi đất	Quận, huyện, thị xã	Địa danh xã, thị trấn		
5	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH-04 đoạn từ kênh Đan Hoài đến đường Vành đai IV	DGT	Ban QLDA	1,10		1,10	Hoài Đức	Minh Khai	Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Hoài Đức về việc phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công của huyện Hoài Đức; Quyết định số 6588/QĐ-UBND ngày 08/10/2022 của UBND huyện Hoài Đức về việc phê duyệt chỉ giới đường đỏ. Thời gian thực hiện dự án 2022-2024	
6	Vườn hoa, cây xanh, bãi đỗ xe và các HMPT khu di tích Quán Giá xã Yên Sở	DGT	Ban QLDA	3,10		3,10	Hoài Đức	Yên Sở	Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 23/7/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Hoài Đức về việc phê duyệt chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án ĐTXD trên địa bàn huyện Hoài Đức; Thời gian thực hiện dự án 2021-2025	

STT	Danh mục công trình, dự án	Mục đích SDD (Mã loại đất)	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích (ha)	Trong đó diện tích (ha)		Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Đất trồng lúa	Thu hồi đất	Quận, huyện, thị xã	Địa danh xã, thị trấn		
7	Cải tạo đường dây 110kV lộ 182 Chèm - Phúc Thọ	DNL	Ban quản lý lưới điện Hà Nội	0,13		0,03	Hoài Đức	Đức Thượng	Quyết định số 3192/QĐ-EVNHA NOI ngày 30/12/2014 của Tổng công ty Điện lực TP. Hà Nội về việc phê duyệt ĐTXD dự án	
II.2	<i>Các dự án không phải trình HĐND Thành phố thông qua theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013</i>			12,45						
1	Nhà ở xã hội CT-M-2 tại Khu đô thị mới Vân Canh, huyện Hoài Đức và quận Nam Từ Liêm	ODT	Tổng Công ty đầu tư phát triển nhà và đô thị	0,33			Hoài Đức	Vân Canh	Quyết định số 5092/QĐ-UBND ngày 31/7/2017 của UBND Thành phố về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh ông thể quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu đô thị Vân Canh; Quyết định số 2778/QĐ-UBND ngày 26/6/2020 của UBND Thành phố về việc phê duyệt chủ trương đầu tư	
2	Đấu giá cho thuê quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích	NNP	UBND các xã	12,12			Hoài Đức	Yên Sở, Cát Quế, Đắc Sở	Quyết định số 5458/QĐ-UBND ngày 24/8/2022 v/v đấu giá QSD đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích	